TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 26/12/2019
"V/v kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh
2. Ông Võ Văn Liềm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 06/2019/TLST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2019 V/v "kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 60/2019/QĐST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị Sử Thị Thanh Nh, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đinh Thị S, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ và lời trình bày chị Bùi Thị M như sau:

Ngày 24/4/2016 (al) chị có cho chị Nh vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/ tháng, chị Nh đóng lãi đến ngày 24/02/2017 (al) thì không đóng nữa, số tiền lãi đóng được là 10.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2016 (al) chị có cho chị Nh vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/ tháng, chị Nh đóng lãi đến ngày 25/01/2017 âm lịch thì không đóng nữa, số tiền lãi đóng được là 4.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2016 (al) chị có cho chị Nh vay 40.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng, đã đóng lãi đến ngày 08/02/2017 (al) thì không đóng nữa, số tiền lãi đóng được là 6.400.000 đồng.

Sau đó chị Nh có trả vốn được 500.000 đồng. Do đó chị yêu cầu chị Nh trả cho chị số tiền còn nợ lại là 69.500.000 đồng. Chị M đồng ý khấu trừ lại phần tiền lãi mà chị Nh đã đóng cho chị và chị yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với số tiền bà S thì giữa chị với bà S có giao dịch chơi hụi với nhau nhưng bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ nên chị không đồng ý trừ số tiền mà bà S đã trả cho chị 6.000.000 đồng và nói trả thay cho chị Nh như bà S và chị Nh đã trình bày, lý do là bà S còn nợ của chị là 8.900.000 đồng thì sao trừ cho chị Nh được. Như vậy bà S chỉ còn nợ lại chị là 2.900.000 đồng, khi nào bà S có tiền thì trả chứ chị không kiện đòi.

Đối với anh T là chồng của chị Nh trước đây, việc anh T và chị Nh đã ly hôn nhưng chị không biết nên nay chị chỉ yêu cầu chị Nh trả nợ cho chị và chị không yêu cầu anh Tửng cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị Nh nữa.

- *Bị đơn:* Chị Sử Thị Thanh Nh trình bày: Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị M về ngày tháng năm vay, lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi chị đã đóng. Chị cũng thừa nhận hiện tại chị còn nợ của chị M tiền hụi là 69.500.000 đồng nhưng mẹ chị là Đinh Thị S có đứng ra trả thay cho chị 6.000.000 đồng nên chị yêu cầu trừ lại số tiền này.

Nay chị M kiện chị trả số tiền trên, chị thống nhất chị còn nợ của chị M số tiền vay là 63.500.000 đồng chị xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn về phần lãi chị đã đóng là 5%/tháng là cao do đó, chị đồng ý theo yêu cầu của chị M là khấu trừ lại và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay. Sau khi trừ tiền lãi ra nếu thiếu thì chị đóng thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị S trình bày: Bà với chị M có giao dịch với nhau bằng hình thức tiền hụi.

Lần một vào ngày 11/01/2018 âm lịch, bà nhận của chị M 5.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận góp mỗi ngày 100.000 đồng, tổng cộng góp 55 ngày. Lúc hai bên thỏa thuận là chị M lấy lại 2.000.000 đồng để bà trả nợ thay cho con bà là Nh. Lần giao dịch này bà thực hiện đúng góp đủ 55 ngày.

Sau đó hai bên thỏa thuận lần 2 vào ngày 05/3/2018 âm lịch, bà nhận của chị M 10.000.000 đồng tương đương tiền của mỗi chân hụi là 5.000.000 đồng hai bên thỏa thuận góp mỗi ngày 200.000 đồng, góp 55 ngày. Lúc thỏa thuận chị M lấy lại 4.000.000 đồng để bà trả nợ thay cho con bà là Nhàn. Lần giao dịch này bà thực hiện không đúng nghĩa vụ vì bà chỉ góp được 2.100.000 đồng tương đương với 10,5 ngày nên bà còn thiếu lại chị Nh 8.900.000 đồng. Khi thỏa thuận trừ lại 6.000.000 đồng cho phần nợ của chị Nh thì không có lập biên bản hay giấy tờ gì.

Nay chị M kiện chị Nh thì bà yêu cầu xin được trừ lại số tiền 6.000.000 đồng mà chị M đã nhận của bà qua phần tiền mà chị Nh còn nợ của chị M. Còn phần tiền hụi bà nợ của chị M là 8.900.000 đồng khi nào bà có sẽ trả cho chị M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 69.500.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2016 đến nay. Đồng thời, ghi nhận việc khấu trừ lại số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn theo hợp đồng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua cuộc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Chị Bùi Thị M, bị đơn chị Sử Thị Thanh Nh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị S trong vụ án được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị S vắng mặt nhưng bà đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Sau khi xem xét Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 227 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trong hợp đồng vay tài sản là 69.500.000 đồng và đồng ý khấu trừ lại phần lãi suất mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay. Phía bị đơn thống nhất còn nợ của nguyên đơn số tiền là 69.500.000 đồng nhưng mẹ là Đinh Thị S trả thay được 6.000.000 đồng nên còn lại là 63.500.00 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ, đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn và đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị M là có căn cứ HĐXX chấp nhận buộc chị Nh có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền nợ trong hợp đồng vay là 69.500.000 đồng tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay cho đến nay là phù hợp với điều 357, 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, lãi suất được tính như sau:

Tiền vốn 20.000.000 đồng vay ngày 24/4/2016 (al) nhằm ngày 30/5/2016 (dương lịch) đến ngày xét xử ngày 26/12/2019 là 1301 ngày: (20.000.000 đ x 0,833%)/30 x 1.301 = 7.224.887 đồng.

Tiền vốn 10.000.000 đồng vay ngày 24/5/2016 (al) nhằm ngày 28/6/2016 (dương lịch) đến ngày xét xử ngày 26/12/2019 là 1273 ngày: (10.000.000 đ x 0,833%)/30 x 1.273 = 3.534.697 đồng.

Tiền vốn 40.000.000 đồng vay ngày 08/10/2016 (al) nhằm ngày 7/11/2016 (dương lịch) đến ngày xét xử ngày 26/12/2019 là 1.144 ngày: (40.000.000 đ x 0,833%)/30 x = 12.706.027 đồng.

Cộng các khoản lãi bằng 23.465.611 đồng. Khấu trừ 20.400.000 đồng số tiền lãi mà chị Nh đã đóng cho chị M trước đây, như vậy số tiền lãi còn lại là 3.065.611 đồng.

[4] Xét yêu cầu của chị Nh chỉ đồng ý trả cho chị M số tiền nợ 63.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu của chị không được chị M chấp nhận cho nên HĐXX không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[5] Đối với lời khai của bà S và chị Nh cho rằng bà S đã trả 6.000.000 đồng cho chị M thay cho chị Nh, chị M không đồng ý, lý do là bà S trả tiền nợ hụi của bà S chứ không có thỏa thuận trả thay cho chị Nh, hơn nữa bà S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, cho nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn T chồng chị Nh, việc anh T và chị Nh đã ly hôn nhưng do chị M không biết. Do vậy nay chị M chỉ yêu cầu chị Nh trả nợ cho chị và chị không yêu cầu anh T cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị Nh nữa. Xét thấy yêu cầu của chị M là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[7] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là có căn cứ phù hợp với nhận định, đánh giá của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Về án phí DSST chị Nh phải chịu nộp 3.614.100 đồng (làm tròn 3.614.000đ) vì chị có lỗi trong vụ kiện này.

Chị Bùi Thị M được nhận lại số tiền 1.750.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng trước đây theo biên lai thu số 0000964 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Vì yêu cầu khởi kiện của chị được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 227 BLTTDS năm 2015; các Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M đối với chị Sử Thị Thanh Nh "Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Sử Thị Thanh Nh có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị M 69.500.000 đồng tiền vốn, 3.065.611 đồng lãi. Cộng chung vốn, lãi bằng 72.565.611 đồng *(Bảy mươi hai triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án Phí: Án phí DSST chị Nh phải chịu nộp 3.614.000 đồng (Ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

Chị Bùi Thị M được nhận lại số tiền 1.750.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng trước đây theo biên lai thu số 0000964 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2019).

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự sữa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÀN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKS huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THA huyện Gò Quao;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

(Đã ký)

Trần Văn Tôn